Chi tiết mã HS 6815.91.00

Mã HS	6815.91.00
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả xơ carbon, các sản phẩm bằng xơ carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Các loại sản phẩm khác: / - - Có chứa magiezit, magiê oxit ở dạng periclase, dolomit kể cả ở dạng dolime, hoặc cromit
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 07:04:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/68159100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10279
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10279
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10279
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9784
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9735
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9735
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9735
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9735
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9735
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9735
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9787
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9787
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9787
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9787

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9787
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9787
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9788
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9788
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9788
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9788
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9788
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9788
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9789
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9741
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9747
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9747
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9747
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9747
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9747
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9747
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9772
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9772
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9772
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9772
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9772
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9772
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9819
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9819
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9819
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9819

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9819
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9819
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9798
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9798
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9798
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9798
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9798
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9798
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9810
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9810
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9810
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9810
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9810
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9810
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9821
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9821
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9821
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9821
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9821
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9821
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9820
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9820
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9820
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9820
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9820
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9820

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9767
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9767
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9767
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9767
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9767
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9767
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9767
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9804
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9804
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9804
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9804
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9804
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9804
RCEP B	2022	2022	0	B!D9804
RCEP B	2023	2023	0	B!E9804
RCEP B	2024	2024	0	B!F9804
RCEP B	2025	2025	0	B!G9804
RCEP B	2026	2026	0	B!H9804
RCEP B	2027	2027	0	B!I9804
RCEP C	2022	2022	0	C!D9804
RCEP C	2023	2023	0	C!E9804
RCEP C	2024	2024	0	C!F9804
RCEP C	2025	2025	0	C!G9804
RCEP C	2026	2026	0	C!H9804
RCEP C	2027	2027	0	C!I9804
RCEP D	2022	2022	0	D!D9803

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9803
RCEP D	2024	2024	0	D!F9803
RCEP D	2025	2025	0	D!G9803
RCEP D	2026	2026	0	D!H9803
RCEP D	2027	2027	0	D!I9803
RCEP E	2022	2022	0	E!D9807
RCEP E	2023	2023	0	E!E9807
RCEP E	2024	2024	0	E!F9807
RCEP E	2025	2025	0	E!G9807
RCEP E	2026	2026	0	E!H9807
RCEP E	2027	2027	0	E!I9807
RCEP F	2022	2022	0	F!D9804
RCEP F	2023	2023	0	F!E9804
RCEP F	2024	2024	0	F!F9804
RCEP F	2025	2025	0	F!G9804
RCEP F	2026	2026	0	F!H9804
RCEP F	2027	2027	0	F!I9804
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F9069
VIFTA	2025	2025	4	VI!G9069
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H9069
VIFTA	2027	2027	3	VI!I9069

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6815.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6815.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10279), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.